

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoài
- *Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hồng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Lê Bá Chu
 2. Bà Phạm Thị Mỹ Huyền
 3. Bà Hoàng Thị Biên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Dũng; là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Oai; Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/TLST- HS ngày 11 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Lệ H** (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T); sinh ngày 24/6/1987 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn PH, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Khánh (Đã chết); con bà: Nguyễn Thị N; chồng: Lê Văn , sinh năm 1984, là bị cáo trong cùng vụ án, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai; con: Có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 03/6/2021, theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, đến ngày 31/8/2021, được thay thế bằng Biện pháp cho bảo lãnh của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, hiện bị cáo cư trú tại thôn PH, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa:

- Luật sư Phan Tấn Vinh, Văn phòng Luật sư Nhân Tín, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ H. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Văn N** (Tên gọi khác: T); sinh năm 1984 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn PH, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Lê Văn L; con bà: Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1987, là bị cáo trong cùng vụ án; con: Có 06 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 03/6/2021, theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bào chữa:

- Luật sư Lê Hồng Thanh, Văn phòng Luật sư Lê Hồng Thanh, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng bào chữa cho bị cáo Lê Văn N. Có mặt.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ m, ĐP1, phường m, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Ngô Viết T; sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ m, ĐP1, phường m, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lơ Mu Ha D; sinh năm 1943; nơi cư trú: Thôn b, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Trịnh Vũ N; sinh năm 1992; nơi cư trú: 49 L, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Kră Jăn S; sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn h, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Ngô Bá T; sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ m, ĐP1, phường m, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Lệ H và Lê Văn N là vợ chồng, sinh sống tại thôn P, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian sinh sống tại đây vào năm 2016, vợ chồng H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh tỉnh Gia Lai vay số tiền 2.000.000.000đ. Cũng vào thời gian này vợ chồng Phạm Tú T và Nguyễn Thị T, trú tại thôn s, xã I, huyện CP nhờ H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên H

yêu cầu vợ chồng anh T phải cung cấp các bản chính giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, và chứng minh nhân dân của vợ chồng anh T cho H để làm thủ tục. Sau khi nhận được các giấy tờ trên H đã làm đơn mất chứng minh nhân dân của mình và chồng là Lê Văn N, đồng thời sử dụng các thông tin về nhân thân của anh T và chị T để khai báo và được Công an tỉnh Gia Lai cấp lại chứng minh nhân dân với nhân thân lai lịch của anh Nguyễn Tú T và Nguyễn Thị nhưng dán ảnh và dấu vân tay là của Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H.

Năm 2017, do không trả được khoản tiền 2.000.000.000đ cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh tỉnh Gia Lai, vợ chồng Nguyễn Thị Lệ H, bỏ trốn đến huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng và sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Phạm Tú T và Nguyễn Thị T để đăng ký tạm trú, tại thôn h, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian cư trú tại xã ĐS, huyện LD. Đến tháng 5/2019, Nguyễn Thị Lệ H thỏa thuận sang nhượng lại quyền sử dụng đất trồng cà phê của ông Lơ Mu Ha D, trú tại thôn 4, xã ĐS, diện tích 11.560m², tọa lạc thôn s, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng với giá 300.000.000/1.000m² tổng giá trị là 3.450.000.000đ, Nguyễn Thị Lệ H đã đặt cọc tạm cho ông D 30.000.000đ và viết một giấy chịu lời, hẹn ngày 06/6/2019 sẽ đặt cọc chính thức.

Mặc dù chưa nhận được quyền sử dụng đất nói trên nhưng do cần tiền, Nguyễn Thị Lệ vẫn thông báo có đất nông nghiệp cần bán. Cuối tháng 5 năm 2019, thông qua người quen giới thiệu, bà Nguyễn Thị L đã gọi điện cho H để hỏi mua lô đất nông nghiệp tại thôn s, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng và đi xem đất. Ngày 01/6/2019, H dẫn Nguyễn Thị L cùng chồng là Ngô Viết T đi xem đất và cho vợ chồng bà L biết nguồn gốc lô đất này Hoa mua lại của ông Lơ Mu Ha D vào năm 2018 với giá 850.000.000đ, nay bán lại với giá 110.000.000đ/1.000m² nếu đồng ý mua, thì đo diện tích thực tế rồi tính tiền, đồng thời yêu cầu đặt cọc tiền mua đất ngay. Sau khi xem đất và thông tin do H cung cấp, vợ chồng bà L đã đặt cọc 50.000.000đ cho H (H viết giấy nhận cọc) để mua một phần diện tích đất nêu trên; lúc này bà L yêu cầu H cho xem giấy mua bán đất giữa H với chủ cũ, thì H nói: *“khi nào giao đủ tiền mua đất, sẽ đưa cho bà L giấy này”*. Sau đó, để cho bà L tin tưởng và giao tiền mua đất, H đã nhờ một người (hiện không rõ nhân thân lai lịch) viết hộ một giấy mua bán đất ghi ngày 12/8/2018 với nội dung *“bà Kră Jăn K là vợ của ông Lơ Mu Ha D có bán cho bà Nguyễn Thị T một mảnh đất tại thôn s, xã ĐS với giá 810.000.00đ”*, để khi nào bà L yêu cầu, thì đưa cho bà L.

Ngày 04/6/2019, H điện thoại cho bà L đề nghị thanh toán trước cho số tiền 500.000.000đ, thì bà L đồng ý nhưng phải mời cán bộ địa chính xã vào đo diện tích thực tế nên ngay sau đó H gọi điện cho người quen là anh Trịnh Vũ N - cán bộ địa chính xã ĐS, để nhờ đo giúp và được anh N đồng ý; rồi H nhờ bà Kră Jăn S là con gái của ông D cùng đến lô đất để chỉ ranh giới. Khoảng 14 giờ cùng ngày, vợ chồng bà , ông Ngô Bá T là bố của ông T đến vị trí lô đất, thì gặp H,

anh N và Krã Jăn S đã có mặt tại đây. Lúc này H nhờ bà dẫn đi chỉ ranh giới lô đất; anh N dùng máy chuyên dụng để đo và thông báo diện tích là 8.700m², rồi đi về. Sau khi chứng kiến việc anh N đo đất theo chỉ dẫn của bà S và trực tiếp xem giấy mua bán đất giữa chủ cũ với H, vợ chồng bà L đồng ý mua diện tích 8.700m² đất nói trên với giá 957.000.000đ và hẹn chiều sẽ giao tiền tại nhà của . Sau khi thống nhất việc bán đất nói trên cho vợ chồng bà L, Nguyễn Thị Lệ H đã bàn bạc với Lê Văn N về việc bán một phần diện tích đất mà mới đặt cọc cho ông D 30.000.000đ cho vợ chồng L - T, thì được N đồng ý.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 04/6/2019, vợ chồng bà L cùng ông Ngô Bá T đến nhà của H, giao cho vợ chồng H số tiền 500.000.000đ, sau khi nhận tiền H đã viết cho vợ chồng bà L một giấy bán đất và cam kết thừa đất có nguồn gốc hợp pháp, không có tranh chấp, không thế chấp, không góp vốn, số tiền đã nhận 550.000.000đ, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi hoàn tất thủ tục giấy tờ.

Sau khi nhận được số tiền 500.000.000đ của vợ chồng bà Lý, đến ngày 06/6/2019, H giao thêm tiền cọc mua đất cho ông D 100.000.000đ. Đến ngày 18/6/2019, H yêu cầu bà L thanh toán hết số tiền còn lại, thì bà L hẹn ngày 20/6/2019, sẽ thanh toán hết. Trong ngày 20/6/2019, vợ chồng bà L đã giao tiền cho H làm 02 lần, lần thứ nhất 107.000.000đ, lần thứ hai 300.000.000đ, lúc này H tiếp tục viết cho vợ chồng bà L một giấy sang nhượng đất đã nhận đủ tiền. Đến ngày 05/7/2019 vợ chồng H bỏ trốn đến thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ sinh sống, để trốn tránh việc bị phát hiện.

Tài liệu thu giữ:

- 01 Giấy nhận tiền cọc đất ghi ngày 01/6/2019 (BL 38);
- 01 Giấy bán đất ghi ngày 04/6/2019 (BL 39-40);
- 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 20/6/2019 (BL 41-42);
- 01 Giấy mua bán đất ghi ngày 12/8/2018 (BL 43);
- 01 Giấy chịu lời không ghi ngày tháng năm (BL 44);
- 01 USB nhãn hiệu San Disk, màu đỏ - đen đã qua sử dụng, có dung lượng 14 GB, bên trong chứa 05 tệp Video MP4, MOV (BL 54), cụ thể như sau:
 - Tệp 4631653441311611188 kích cỡ 40,934kb;
 - Tệp 2645449014733065537 kích cỡ 3,833kb;
 - Tệp 2019_06_21_11_39_IMG-4968 kích cỡ 956,096kb;
 - Tệp 2019_06_21_11_45_IMG-4969 kích cỡ 55,020kb;
 - Tệp 2019_06_21_11_39_IMG-4970 kích cỡ 2,165,153kb;

Theo bản kết luận giám định số: 529/KLGD ngày 04/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- Dấu vân tay in trên các ô: NGÓN TRỎ PHẢI”, “NGÓN TRỎ TRÁI” trên “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 230926083, họ tên Phạm Tú T, sinh ngày 17/10/1982, nơi ĐKKHKT: xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai (mẫu cần

giám định) với dấu vân tay in trên các ô “trở phải”, “trở trái” trên Chi bản số 230615327, lập ngày 14/8/2000 tại Chư Sê, họ tên Lê Văn N, sinh năm 1984, nơi ĐKHKTT: I, CS (mẫu so sánh) là dấu vân tay do cùng một người in ra.

Theo bản Kết luận giám định số:1597/GĐ-PC09 ngày 11/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng Kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Lệ H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Lê Văn N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn N trên tài liệu mẫu cần so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Theo bản kết luận giám định số: 465/KL-KTHS ngày 16/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ “Lơ Mu Ha D” tại dòng thứ 4 tính từ trên xuống) so với chữ viết của Nguyễn Thị Lệ H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người viết ra.

Người bị hại yêu cầu các bị can phải hoàn trả số tiền 957.000.000 đồng; các bị can chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS- P2 ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Lệ H khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như bản cáo trạng truy tố; không khiếu nại thắc mắc; bị cáo Lê Văn N khai báo quanh co nhưng cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lơ Mu Ha tự nguyện nộp lại số tiền 130.000.000đ đã nhận của các bị cáo để khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; các bị cáo và người bị hại thống nhất ý kiến nêu trên của ông Lơ Mu Ha D và người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 827.000.000đ. Việc thỏa thuận này là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; mức án từ 14 năm tù đến 15 năm tù; áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 tổng hợp hình phạt của bản án này và

hình phạt 14 năm tù của Bản án số 40/2022/HSST ngày 24-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; mức án từ 12 năm tù đến 13 năm tù; áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 14 năm tù của Bản án số 323/2022/HSPT ngày 15-8-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 Giấy nhận tiền cọc đất ghi ngày 01/6/2019; 01 Giấy bán đất ghi ngày 04/6/2019; 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 20/6/2019; 01 Giấy mua bán đất ghi ngày 12/8/2018; 01 Giấy chịu lời không ghi ngày tháng năm; 01 USB nhãn hiệu San Disk, màu đỏ - đen đã qua sử dụng, có dung lượng 14 GB, bên trong chứa 05 tệp Video MP4, MOV.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 586 khoản 1 Điều 589 của BLDS năm 2015 buộc các bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Văn N bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Viết T số tiền 827.000.000đ.

Luật sư Phan Tấn Vinh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ H thống nhất về nội dung cáo trạng, về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H đã thành khẩn nhận tội, đã khắc phục một phần hậu quả; thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Luật sư Lê Hồng Thanh bào chữa cho bị cáo Lê Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo N trong vụ án.

Bị cáo Lê Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Lệ H: Bị cáo xin lỗi người bị hại, bị cáo đã biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và chồng bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Văn N: Bị cáo đã biết hành vi của bản thân là phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Vào năm 2016, Nguyễn Thị Lệ H và Lê Văn N dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh tỉnh Gia Lai để chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000đ. Sau đó, dùng thông tin trong Sổ hộ khẩu của vợ chồng anh Nguyễn Tú T - Nguyễn Thị T, làm đơn mất chứng minh nhân dân để xin cấp lại chứng minh nhân dân. Khi được Công an tỉnh Gia Lai cấp chứng minh nhân dân với thông tin lai lịch của anh Thiệu và chị T còn ảnh và dấu vân tay trong chứng minh nhân dân là của N và H, thì N và H đưa gia đình trốn đến huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, dùng giấy chứng minh nhân dân vừa được cấp để làm thủ tục tạm trú tại thôn h, xã ĐS, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 5/2019, H thỏa thuận sang nhượng lại 11.560m² đất trồng cà phê tọa lạc tại thôn s, xã Đ, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng của ông Lơ Mu Ha D với giá 3.450.000.000đ nhưng mới đưa cho ông D 30.000.000đ, sau đó rao bán lại diện tích đất này. Cuối tháng 5/2019, vợ chồng Nguyễn Thị L và Ngô Viết T, có nhu cầu sang nhượng lại một phần diện tích quyền sử dụng đất này, thì H dùng tên Nguyễn Thị T đứng ra giao dịch với vợ chồng bà L. Để vợ chồng bà L tin đất nói trên là của mình, H dùng thủ đoạn nhờ người viết giấy mua bán đất giữa vợ chồng ông D với H (Nguyễn Thị T) đề ngày 12/8/2018; nhờ cán bộ địa chính xã đo diện tích cần sang nhượng với sự chỉ dẫn ranh giới mốc đất của con gái của ông D, rồi yêu cầu vợ chồng chị L giao tiền chuyển nhượng đất cho vợ chồng H. Sau khi nhận đủ số tiền 957.000.000đ của vợ chồng bà , vợ chồng H đưa cả gia đình xuống thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, thành phố Cần Thơ để sinh sống nhằm trốn tránh bị phát hiện.

Bị cáo H khai nhận việc phạm tội đều có sự bàn bạc, thống nhất với bị cáo N; quá trình điều tra bị cáo Lê Văn N không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo N đã nhận tội và bị cáo Nguyễn Thị Lệ H cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Kết luận giám định, Biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Việc Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo N trong vụ án là không có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa

phương. Do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng các bị cáo đều có sự bàn bạc, thống nhất ý chí; bị cáo Nguyễn Thị Lệ H là người chủ mưu, bị cáo Lê Văn N là người giúp sức nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo và đồng ý dùng số tiền 130.000.000đ mà ông Lơ Mu Ha D đưa để khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hiện nay Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng chưa nhận được bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên chưa có căn cứ tổng hợp hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật sẽ được tổng hợp theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả số tiền 130.000.000đ cho người bị hại để khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; các bị cáo, người bị hại thống nhất đề nghị trên và người bị hại tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 827.000.000đ. Xét thấy thỏa thuận giữa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của BLHS năm 2015; các Điều 584, 586 khoản 1 Điều 589 của BLDS năm 2015 buộc các bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Văn N bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Viết T số tiền 827.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 Giấy nhận tiền cọc đất ghi ngày 01/6/2019; 01 Giấy bán đất ghi ngày 04/6/2019; 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 20/6/2019; 01 Giấy mua bán đất ghi ngày 12/8/2018; 01 Giấy chịu lời không ghi ngày tháng năm; 01 USB nhãn hiệu San Disk, màu đỏ - đen đã qua sử dụng, có dung lượng 14 GB, bên trong chứa 05 tệp Video MP4, MOV.

[7] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, thì Nguyễn Thị Lệ H và Lê Văn N còn có hành vi mượn chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của người khác, sau đó khai báo mất chứng minh nhân dân để đề nghị được cấp lại chứng minh nhân dân với tên, tuổi, nơi cư trú của người khác nhưng được dán ảnh và dấu vân tay của mình, để sử dụng đăng ký tạm trú và Nguyễn Thị Lệ H sử dụng chứng minh nhân dân không đúng tên thực của mình để giao dịch lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, có dấu hiệu của hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan tổ chức, quy định tại Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015, tuy

nhiên do không thu giữ được các chứng minh nhân dân nói trên nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện tại tỉnh Gia Lai, đã bị các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Gia Lai, xử lý bằng vụ án riêng nên không đề cập trong vụ án này.

Trong vụ án này còn có ông Trịnh Vũ N và bà Kã Jăn S là những người được Nguyễn Thị Lệ H nhờ chỉ ranh giới và đo diện tích đất để sang nhượng cho vợ chồng bà L nhưng những người này không biết được ý đồ của H là nhằm củng cố, tạo thêm niềm tin để chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà L nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Lệ H (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T), Lê Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Lệ H** (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T) 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến ngày 31/8/2021 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn N** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 586 khoản 1 Điều 589 của BLDS năm 2015 buộc các bị cáo Nguyễn Thị Lệ H (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T), Lê Văn N bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Viết T số tiền 827.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu hồ sơ vụ án đối với những tài liệu đã thu giữ gồm 01 Giấy nhận tiền cọc đất ghi ngày 01/6/2019; 01 Giấy bán đất ghi ngày 04/6/2019; 01 Giấy sang nhượng đất ghi ngày 20/6/2019; 01 Giấy mua bán đất ghi ngày 12/8/2018; 01 Giấy chịu lời không ghi ngày tháng năm; 01

USB nhãn hiệu San Disk, màu đỏ - đen đã qua sử dụng, có dung lượng 14 GB, bên trong chứa 05 tệp Video MP4, MOV.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị Lệ H (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T), Lê Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Thị Lệ Hoa (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T) phải chịu 18.405.000đ án phí dân sự, bị cáo Lê Văn N phải chịu 18.405.000đ án phí dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên quan vắng mặt, hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng (*Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Vụ GĐKT1-TANDTC (1)
- Phòng KTNV&THA (3);
- Phòng PV 27-CALĐ (1);
- Cơ quan CSĐTCA Lâm Đồng (2);
- Cơ quan THAHSCA Lâm Đồng (2);
- Bị cáo (1); Bị hại (6); Người liên quan (1);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam (2); Người bào chữa (1);
- Hồ sơ THAHS (3); Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Duy Hoài

